

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY THẮNG LỢI

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
đã được soát xét



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 20

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dệt may Thăng Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

Khái quát

Công ty Cổ Phần Dệt may Thăng Lợi là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 1316/QĐ-TCCB ngày 11/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0300402983 ngày 6/7/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh bất động sản, phát triển nhà, xây dựng cơ sở hạ tầng, khu đô thị, khu công nghiệp, sản xuất ga trải giường, chăn gối, sản xuất giày dép, sản xuất sợi, sản xuất vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt, môi giới bất động sản, may trang phục.

Trụ sở chính của Công ty tại số 2 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Lê Mỹ Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Doanh	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Phương	Thành viên (Đến ngày 29/04/2021)
Bà Nguyễn Thị Thanh Lan	Thành viên (Đến ngày 29/04/2021)
Ông Nguyễn Hiếu Hòa Khánh	Thành viên (Đến ngày 29/04/2021)
Ông Hoàng Đăng Khoa	Thành viên (Từ ngày 29/04/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Đăng Khoa	Tổng Giám đốc (Từ ngày 20/04/2021)
Ông Nguyễn Hiếu Hòa Khánh	Tổng Giám đốc (Đến ngày 20/04/2021)
Ông Nguyễn Đình Hân	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 20/04/2021)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Hiếu Hòa Khánh	Trưởng ban (Từ ngày 29/04/2021)
Ông Đào Duy Ban	Trưởng ban (Đến ngày 29/04/2021)
Ông Nguyễn Phú Tiên	Thành viên (Đến ngày 29/04/2021)
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên (Đến ngày 29/04/2021)
Bà Nguyễn Thị Thu Giang	Thành viên (Từ ngày 29/04/2021)
Bà Nguyễn Phương Thủy	Thành viên (Từ ngày 29/04/2021)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

 **Thay mặt Hội đồng Quản trị**



Nguyễn Lê Mỹ Hưng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

Số: 85d-2/BCSX/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dệt May Thắng Lợi

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt May Thắng Lợi, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2021, từ trang 5 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Chủ tịch Hội đồng Thành viên



Nguyễn Thị Lan

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0167-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		277.324.916.870	276.926.451.320
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.017.049.130	329.010.718
1. Tiền	111		1.017.049.130	329.010.718
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		255.840.445.306	271.126.118.057
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	325.138.000	152.526.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	175.000.000	175.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	104.670.000.000	128.370.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	150.670.307.306	142.428.592.057
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.467.422.434	5.471.322.545
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.812.000	4.530.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	5.357.209.803	5.358.391.914
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	108.400.631	108.400.631
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		246.988.935.013	246.668.935.013
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		190.000.000.000	190.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	190.000.000.000	190.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	-	-
- Nguyên giá	222		16.687.650.944	16.687.650.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.687.650.944)	(16.687.650.944)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.8	13.744.005.834	13.744.005.834
- Nguyên giá	231		13.744.005.834	13.744.005.834
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.272.288.171	39.952.288.171
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	40.272.288.171	39.952.288.171
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	2.000.000.000	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		972.641.008	972.641.008
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	972.641.008	972.641.008
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		524.313.851.883	523.595.386.333

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		117.703.746.056	100.857.361.111
I. Nợ ngắn hạn	310		117.386.536.056	100.540.151.111
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	100.900.276	389.859.306
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	17.212.931.922	743.800
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	54.669.475	131.513.622
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	100.018.034.383	100.018.034.383
II. Nợ dài hạn	330		317.210.000	317.210.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	317.210.000	317.210.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		406.610.105.827	422.738.025.222
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	406.610.105.827	422.738.025.222
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		765.000.000.000	765.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		765.000.000.000	765.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(300.000.000)	(300.000.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(358.089.894.173)	(341.961.974.778)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(341.961.974.778)	(336.215.737.460)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(16.127.919.395)	(5.746.237.318)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		524.313.851.883	523.595.386.333

Người lập biểu/ Kế toán trưởng


Trần Huỳnh Thanh Trúc

Chứng chỉ hành nghề: 3165/2019/KET.1

Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài Chính – Kế Toán Trí Minh

Số 3.01, TM-DV18, Lầu 3, Khối tháp V5-V6, Khu chung cư kết hợp thương mại, văn phòng lô V (Sunrise City, Khu South Towers), 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị


Nguyễn Lê Mỹ Hưng

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	8.818.766.042	7.827.817.842
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.2	25.737.636.810	13.809.627.720
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16.918.870.768)	(5.981.809.878)
11. Thu nhập khác	31	VI.3	791.110.000	1.322.056.364
12. Chi phí khác	32	VI.4	158.627	69.806.354
13. Lợi nhuận khác	40		790.951.373	1.252.250.010
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(16.127.919.395)	(4.729.559.868)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.5	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(16.127.919.395)	(4.729.559.868)
18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	(211)	(62)

Người lập biểu/ Kế toán trưởng


Trần Huỳnh Thanh Trúc

Chứng chỉ hành nghề: 3165/2019/KET.1

Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài Chính – Kế Toán Trí Minh

Số 3.01, TM-DV18, Lầu 3, Khối tháp V5-V6, Khu chung cư kết hợp thương mại, văn phòng lô V (Sunrise City, Khu South Towers), 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Lê Mỹ Hưng

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(16.127.919.395)	(4.729.559.868)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	-	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.242.478.370)	(2.220.721.951)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(19.370.397.765)	(6.950.281.819)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.747.717.561)	(3.557.660.354)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	16.846.384.945	15.082.937.950
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.718.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.269.012.381)	4.574.995.777
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(320.000.000)	-
2. Tiền chi cho vay	23	-	(14.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	23.700.000.000	11.200.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay	27	577.050.793	9.719.896
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	23.957.050.793	(2.790.280.104)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	15.688.038.412	1.784.715.673
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	329.010.718	906.195.714
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.017.049.130	2.690.911.387

Người lập biểu/ Kế toán trưởng


Trần Huỳnh Thanh Trúc

Chứng chỉ hành nghề: 3165/2019/KET.1

Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài Chính – Kế
Toán Trí MinhSố 3.01, TM-DV18, Lầu 3, Khối tháp V5-
V6, Khu chung cư kết hợp thương mại,
văn phòng lô V (Sunrise City, Khu South
Towers), 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường
Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị


Nguyễn Lê Mỹ Hưng

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Dệt may Thăng Lợi là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 1316/QĐ-TCCB ngày 11/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0300402983 ngày 6/7/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Trụ sở chính của Công ty tại số 2 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh bất động sản, phát triển nhà, xây dựng cơ sở hạ tầng, khu đô thị, khu công nghiệp, sản xuất ga trải giường, chăn gối, sản xuất giày dép, sản xuất sợi, sản xuất vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt, môi giới bất động sản, may trang phục.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

- Nếu Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, phải áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Nếu Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng và vật kiến trúc	10-20 năm
- Máy móc thiết bị	5-10 năm
- Phương tiện vận tải	6-10 năm
- Thiết bị quản lý	3-5 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Công ty có thể dựa vào các bất động sản chủ sở hữu sử dụng cùng loại để ước tính thời gian trích khấu hao và xác định phương pháp khấu hao của bất động sản đầu tư.

Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, bất động sản đầu tư không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh nghiệp được đánh giá giảm nguyên giá bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

13. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác

14. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Điều hành Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.017.049.130	329.010.718
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	15.000.000.000	-
Cộng	16.017.049.130	329.010.718

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Bên thứ ba	325.138.000	152.526.000
Bên liên quan	-	-
Cộng	325.138.000	152.526.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Bên thứ ba	175.000.000	175.000.000
Bên liên quan	-	-
Cộng	175.000.000	175.000.000

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty CP Khách sạn Du lịch Thanh Niên Vũng Tàu	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Nova F&B	-	14.900.000.000
Công ty TNHH Bất động sản Anh Tú	75.470.000.000	75.470.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Da Vàng	25.200.000.000	34.000.000.000
Cộng	104.670.000.000	128.370.000.000

Cho các Công ty vay theo hợp đồng vay với thời hạn vay từ 5 tháng đến 12 tháng, lãi suất vay từ 3,95%/năm đến 7,3%/năm, khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

5. Phải thu khác

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	150.670.307.306	142.428.592.057
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.630.238.810	1.964.811.233
Lãi hợp tác kinh doanh dự thu	13.040.068.496	7.463.780.824
Phải thu từ hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cửu Long (bên thứ ba)	133.000.000.000	133.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	190.000.000.000	190.000.000.000
Phải thu từ hợp tác kinh doanh với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Open Land (bên thứ ba)	150.000.000.000	150.000.000.000
Phải thu từ hợp tác kinh doanh với Công ty CP Bất động sản Nova Lexington (bên thứ ba)	40.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	340.670.307.306	332.428.592.057

6. Chi phí trả trước

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.812.000	4.530.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.812.000	4.530.000
Chi phí trả trước dài hạn	972.641.008	972.641.008
Chi phí trả trước dài hạn khác	972.641.008	972.641.008
Cộng	974.453.008	977.171.008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.927.850.324	415.564.589	3.094.793.407	249.442.624	16.687.650.944
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	12.927.850.324	415.564.589	3.094.793.407	249.442.624	16.687.650.944
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	(12.927.850.324)	(415.564.589)	(3.094.793.407)	(249.442.624)	(16.687.650.944)
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	(12.927.850.324)	(415.564.589)	(3.094.793.407)	(249.442.624)	(16.687.650.944)
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 16.687.650.944 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 16.687.650.944 đồng).

8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	13.744.005.834
Số tăng trong kỳ	-
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	13.744.005.834
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong kỳ	-
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	-
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	13.744.005.834
Tại ngày cuối kỳ	13.744.005.834

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án Thăng Lợi	40.272.288.171	39.952.288.171
Cộng	40.272.288.171	39.952.288.171

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Tỷ lệ sở hữu	30/06/2021 VND	Tỷ lệ sở hữu	01/01/2021 VND
Công ty CP Dệt Quốc tế Thắng Lợi (200.000 cp)	20,00%	2.000.000.000	20,00%	2.000.000.000
Cộng		2.000.000.000		2.000.000.000

Tại ngày 30/06/2021 và tại ngày 31/12/2020, Công ty không xác định giá trị hợp lý do các công ty được đầu tư chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Bên thứ ba	100.900.276	389.859.306
Bên liên quan	-	-
Cộng	100.900.276	389.859.306

12. Thuế và các khoản phải nộp/(Phải thu) nhà nước

Phải nộp	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2021 VND
Thuế thu nhập cá nhân	743.800	80.208.182	(80.951.982)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	220.489.854	-	220.489.854
Tiền thuê đất	-	24.721.650.043	(7.729.207.975)	16.992.442.068
Cộng	743.800	25.025.348.079	(7.813.159.957)	17.212.931.922

Phải thu	01/01/2021 VND	Số phát sinh trong kỳ	Số đã cán trừ trong kỳ	30/06/2021 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	(5.358.391.914)	(77.928.889)	79.111.000	(5.357.209.803)
Thuế TNDN	(108.400.631)	-	-	(108.400.631)
Cộng	(5.466.792.545)	(77.928.889)	79.111.000	(5.465.610.434)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	54.669.475	131.513.622
Cộng	54.669.475	131.513.622

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**14. Phải trả khác**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả ngắn hạn khác	100.018.034.383	100.018.034.383
Nhận cọc Công ty TNHH Big Lotus (Tân Thuận)	100.000.000.000	100.000.000.000
Phải trả khác	18.034.383	18.034.383
Phải trả dài hạn khác	317.210.000	317.210.000
Phải trả khác	317.210.000	317.210.000
Cộng	100.335.244.383	100.335.244.383

15. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	765.000.000.000	(300.000.000)	(336.215.737.460)	428.484.262.540
Lỗi trong năm trước			(5.746.237.318)	(5.746.237.318)
Số dư cuối năm trước	765.000.000.000	(300.000.000)	(341.961.974.778)	422.738.025.222
Lỗi trong kỳ			(16.127.919.395)	(16.127.919.395)
Số dư cuối kỳ	765.000.000.000	(300.000.000)	(358.089.894.173)	406.610.105.827

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2021 VND	%	01/01/2021 VND	%
Công ty TNHH Đầu Tư bất động sản Vạn Thành	183.600.000.000	24	183.600.000.000	24
Công ty TNHH Đầu Tư bất động sản Vạn An	183.600.000.000	24	183.600.000.000	24
Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển bất động sản Bright Ocean	175.950.000.000	23	175.950.000.000	23
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển bất động sản Bright Coast	180.925.140.000	23,65	180.925.140.000	23,65
Ông Lê Thanh Liêm	23.224.500.000	3,04	23.224.500.000	3,04
Vốn góp của các đối tượng khác	17.700.360.000	2,31	17.700.360.000	2,31
Cộng	765.000.000.000	100	765.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	765.000.000.000	765.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	765.000.000.000	765.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**d) Cổ phiếu**

	30/06/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	76.500.000	76.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76.500.000	76.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	76.500.000	76.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.500.000	76.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	76.500.000	76.500.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.490.521	12.869.896
Lãi tiền cho vay	3.239.987.849	2.207.852.055
Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	5.576.287.672	5.607.095.891
Cộng	8.818.766.042	7.827.817.842

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	396.409.091	1.179.421.461
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	2.947.682
Chi phí thuế, phí, lệ phí	24.945.139.897	11.784.721.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.332.929	793.720.798
Chi phí bằng tiền khác	754.893	48.815.806
Cộng	25.737.636.810	13.809.627.720

3. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Thu tiền xe ra vào cổng	551.110.000	1.082.056.364
Thu nhập khác	240.000.000	240.000.000
Cộng	791.110.000	1.322.056.364

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**4. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí khác	158.627	69.806.354
Cộng	158.627	69.806.354

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(16.127.919.395)	(4.729.559.868)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	(16.127.919.395)	(4.729.559.868)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Trong kỳ Công ty lỗ không phát sinh thu nhập chịu thuế. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên và các khoản lỗ của các năm trước vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

6. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(16.127.919.395)	(4.729.559.868)
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(16.127.919.395)	(4.729.559.868)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	76.500.000	76.500.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(211)	(62)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	396.409.091	1.179.421.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.332.929	793.720.798
Chi phí khác bằng tiền	24.945.894.790	11.836.485.461
Cộng	25.737.636.810	13.809.627.720

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lương, thưởng và phúc lợi khác	396.409.091	126.945.000
Thù lao	-	-

3. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ chủ yếu tập trung vào cung cấp một số dịch vụ, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Hội đồng Quản trị quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Dịch vụ của Công ty trong kỳ chủ yếu được cung cấp tại Công ty, do đó Hội đồng Quản trị cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 đã được kiểm toán và soát xét.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu/ Kế toán trưởng**Trần Huỳnh Thanh Trúc**

Chứng chỉ hành nghề: 3165/2019/KET.1

Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài Chính – Kế Toán Trí Minh

Số 3.01, TM-DV18, Lầu 3, Khối tháp V5-V6, Khu chung cư kết hợp thương mại, văn phòng lô V (Sunrise City, Khu South Towers), 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp.HCM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị**Nguyễn Lê Mỹ Hưng**

Ngày 12 tháng 8 năm 2021

